

Số: 95/QĐ-THMCA

Mỹ Chánh, ngày 03 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2023
của Trường Tiểu học Mỹ Chánh A

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC MỸ CHÁNH A

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-PGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-PGDĐT ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về việc giao dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường Tiểu học Mỹ Chánh A,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2023 của Trường Tiểu học Mỹ Chánh A (Biểu 3).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, hội đồng sư phạm, bộ phận kế toán, cán bộ công chức viên chức, người lao động căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính;
- Phòng GD-ĐT Châu thành;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
(Chữ ký, dấu)

Lâm Kim Ngân

Biểu số 3 – Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính
Đơn vị: Trường Tiểu học Mỹ Chánh A CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Chương: 622 Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mỹ Chánh, ngày 03 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-THMCA ngày 03/7/2023 của Trường TH Mỹ Chánh A)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.097.287.000	1.131.842.500		
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				



1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	4.093.998.000	1.131.842.500		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.925.518.000	1.041.842.500		
	Lương theo ngạch, bậc	1.904.816.000	476.204.000		
	Lương khác	18.720.000	18.720.000		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	97.600.000	24.400.000		
	Phụ cấp chức vụ	27.714.000	6.928.500		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	702.773.000	175.693.250		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	8.940.000	894.000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung;	68.420.000	17.105.000		
	Phụ cấp thâm niên nghề	482.627.000	120.656.750		
	Bảo hiểm xã hội	452.920.000	113.230.000		
	Bảo hiểm y tế	77.644.000	19.411.000		
	Kinh phí công đoàn	51.730.000	12.930.000		
	Bảo hiểm thất nghiệp	24.640.000	6.160.000		
	Tiền điện	14.000.000	3.500.000		
	Tiền nước	7.000.000	1.750.000		
	Tiền vệ sinh, môi trường	2.900.000	290.000		
	Văn phòng phẩm	5.000.000	1.500.000		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	6.200.000			
	Vật tư văn phòng khác	10.000.000			
	Cước phí điện thoại; thuê bao đường điện thoại	394.000	100.000		
	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	5.700.000	1.400.000		
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông; sách; báo; tạp chí thư viện	216.000			
	Chi phí khác	1.620.000	1.620.000		
	Tiền vé máy bay, tàu, xe	7.000.000	1.750.000		
	Phụ cấp công tác phí	10.400.000	2.600.000		
	Thuê phương tiện vận chuyển	2.500.000			
	Chi phí thuê mướn khác	4.000.000	500.000		
	Các thiết bị công nghệ thông tin	12.000.000	3.000.000		
	Đường điện, cấp thoát nước	2.000.000			
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	1.300.000			
	Chi mua hàng hóa, vật tư	20.910.000	9.000.000		
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	840.000			
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	8.000.000			
	Chi khác	10.000.000	1.000.000		
	Chi tiếp khách	1.500.000			
	Chi các khoản khác	20.000.000	6.000.000		

	Tài sản và thiết bị khác	15.000.000	15.000.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	65.650.000			
	Chi khác	23.650.000			
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	42.000.000			
4	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	<i>Chi hoạt động kinh tế</i>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	<i>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	<i>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</i>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	<i>Chi hoạt động kinh tế</i>				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>				
8.1	Dự án A				



8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 03 tháng 7 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TIỂU HỌC
MỸ CHÁNH HẠ
Lâm Kim Ngân